

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/HS-ST
Ngày: 16-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hà Nam

Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Linh

Ông Vũ Viết Thiệu

Ông Trần Trọng Đại

- Thư ký phiên tòa:

Ông Đinh Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định;

Bà Lương Thị Thu Hường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Chí Công - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 102/2017/TLST-HS ngày 28/11/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2017/QĐXXST-HS ngày 26/12/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn T, sinh năm 1990; ĐKKHKT, chỗ ở: xóm P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Phạm Văn V, sinh năm: 1960 và bà Ngô Thị C, sinh năm: 1965, đều trú: xóm P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; gia đình có 02 anh em, T là con thứ nhất; vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1989, có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giam giữ từ ngày 07/4/2017 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Nam Định. (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003: **Luật sư Ngô Văn Q** - Văn phòng luật sư Thiên Phú và cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nam Định. (có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1983 (đã chết).

Trú tại: Xóm L, xã P, huyện G, tỉnh Nam Định.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1956. (là bố đẻ của anh D).

Bà Tạ Thị M, sinh năm: 1956. (là mẹ đẻ của anh D).

Trú tại: Xóm L, xã P, huyện G, tỉnh Nam Định. (có mặt tại phiên tòa).

Chị Trần Thị X, sinh năm: 1988. (là vợ của anh D).

Trú tại: Xóm L, xã P, huyện G, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M, chị X là ông Nguyễn Văn K. (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội Dng vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết với Phạm Văn T nên Nguyễn Văn K , SN 1994 ,trú tại: tổ dân phố Bình Trung, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định đã mời T ngày 08/4/2017 đến dự đám cưới của K . Sáng ngày 07/04/2017, T từ nhà mình ở xóm P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định đi xuống chỗ làm việc tại 356 đường Giải Phóng, phường Trường Thi, thành phố Nam Định sau đó thuê taxi đi xuống thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định để dự đám cưới của K . Khi đi T mang theo một con dao bấm bằng kim loại sơn màu đen dài 20 cm rộng 2,5 cm (cán dao dài 11,5 cm, lưỡi dao dài 8,5 cm). Xuống đến thị trấn Quất Lâm thì T vào nhà Cao Quốc T, sinh năm: 1993 cũng ở tổ dân phố B, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định ăn cơm trưa rồi ngủ tại nhà T đến 18h cùng ngày thì đi bộ đến nhà K ăn cỗ. Khoảng 20h45' cùng ngày, K cùng với T, Trần Văn H, sinh năm: 1993, trú tại thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Nam Định, Đỗ Văn V, sinh năm: 1993, trú tại: tổ dân phố L, thị trấn Q, huyện G; Trần Xuân Vịnh, sinh năm: 1994, trú tại: Thôn L, xã P, huyện G; Cao Xuân H, sinh năm: 1994, trú tại: thị trấn Q, huyện G, Phạm Minh Q, sinh năm: 1994, trú tại: thôn B, xã HuơH, huyện L, tỉnh Bắc Giang cùng một số người bạn khác của K đi đến nhà của cô dâu là Nguyễn Thị N ở xóm L, xã P, huyện G để chơi. Quá trình ngồi uống nước tại rạp cưới nhà N thì T nhìn thấy Đỗ Văn V nhìn mình. Cho rằng V nhìn đều mình nên T đã đi đến chỗ V khoác vai V sau đó dùng tay phải bóp gáy rồi đẩy V ra phía ngoài cổng. Khi ra ngoài cổng thì T đã dùng tay, chân để đánh V. Lúc này Nguyễn Đức Q, sinh năm: 1991 và Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1988 đều ở xóm L, xã P, huyện G và ông Bùi Văn K, sinh năm: 1962, trú tại: xóm L, xã P, huyện G nhìn thấy đã vào can ngăn T nhưng không được. Bực tức vì bị can ngăn không cho đánh V nên T đã đâm ông K nhưng không trúng. Ông K bỏ chạy vừa chạy vừa hô “chúng nó đánh nhau”. Lúc này chị Vũ Thị N, sinh năm: 1974; trú tại xóm L, xã P, huyện G nhìn thấy nên đã hô hoán mọi người ra can ngăn T. Nghe thấy có tiếng hô thì H, T, H, V, T cùng một số người ở trong sân và xung quanh nhà N chạy ra đường vào can và đẩy V về phía cổng nhà N, đẩy T ra mé đường

giáp lô đất trống rào lưới B40 giáp nhà N. Được mọi người can ngăn V đã ra về còn T vẫn cố đuổi theo để đánh V. Người dân xung quanh đẩy T ra nên dẫn đến xô sát với T. H và Q (bạn của T) thấy thế liền vào can ngăn mọi người. Lúc này anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1982, trú tại: xóm L, xã P, huyện G chạy lại phía sau lưng T rồi dùng hai tay ôm chặt người và hai tay của Tùng. T liền dùng tay phải rút con dao bấm ở trong túi quần bên phải rồi bấm chốt cho lưỡi dao bật ra rồi đâm chéo một nhát từ dưới lên trên, từ phải sang trái vào vai trái anh D làm cho anh D phải buông T ra. Sau khi đâm anh D thì T vẫn cầm dao trên tay phải mũi dao hướng ra trước về phía những người xung quanh quay một vòng rồi đứng đối diện với anh D. Lúc này có người đã lao vào chụp được tay cầm dao của T thì T liền giật ngược tay lại làm lưỡi dao đâm vào sườn trái của mình. Bị dao đâm vào người, T liền chồm lên phía trước dùng tay trái ôm cổ anh D đang đứng trước mặt rồi ghì chặt anh D vào người mình. Anh D khom người và bước lùi lại để thoát ra thì T dùng tay phải đang cầm dao đâm liên tiếp hai nhát theo hướng từ sau ra trước, từ dưới lên trên vào ngực trái của anh D. Sau khi bị đâm anh D tiếp tục lùi lại phía sau thì bị vấp phải đôn và chậu cây cảnh bằng xi măng ở vệ đường nên ngã ngửa ra sau nằm lên hàng rào lưới B40 kéo theo T một số người can ngăn bị ngã theo đè lên người anh D. Lúc này mọi người xung quanh đã tước được con dao trên tay T rồi đưa anh D đi bệnh viện cấp cứu nhưng anh D đã tử vong sau đó. T được một số người đưa vào nhà N thì bị nhiều người dân lao vào để đánh nên H đã cầm một viên gạch lên đe dọa không cho mọi người đánh T. Sau đó T được mọi người đưa vào buồng nhà N và ở đó cho đến khi được cơ quan công an đưa về trụ sở công an huyện Giao Thủy.

Ngay sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Nam Định đã phối hợp với Công an huyện Giao Thủy và các đơn vị chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, đồng thời tiến hành các hoạt động điều tra thu thập tài liệu chứng cứ.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Hiện trường nơi xảy ra vụ án là bãi đất trống tại lề đường liên xóm L xã P, huyện G, tỉnh Nam Định. Đoạn đường liên xóm đất đá rộng 3,3 mét, hướng Tây Bắc đi thị trấn Quất Lâm, hướng Đông Nam đi ra biển, lề trái rộng 3,9 mét, ngoài lề trái là nhà ông Nguyễn Văn A (hướng Bắc) và nhà anh Nguyễn Văn D (hướng Nam). Bãi đất trống thuộc lề trái đường liên xóm, ở giữa hai nhà ông An và anh D. Trên bãi đất trống, tại vị trí cách góc phía Nam nhà ông A 0,7 mét, cách mép trái đường liên xóm (theo hướng đi ra biển) 3,3 mét có 02 đôn bê tông đồ năm nghiêng và 01 chậu bê tông sát nhau. Mặt đôn bê tông thành, lòng chậu bê tông bám dính đám chất màu nâu đỏ dạng đọng trên diện (1,05 x 0,8)mét. Tâm đám màu nâu đỏ cách góc tường phía nhà ông An 70cm, cách mép trái đường liên xóm 3,9 mét. Phía Đông Bắc khu đất trống giăng lưới B40, tại vị trí cách góc tường phía Nam nhà ông A về phía Đông Nam 1,9 mét, lưới thép bị biến

dạng, cong gập hình chữ V. Nền đất tại vị trí này thấm nhiều chất màu nâu đỏ trên diện (50x45)cm. Cách tâm đám chất màu nâu đỏ 40cm, cách mép trái đường 3,5 mét phát hiện 01 đôi dép tổ ong, 02 chiếc trái, phải màu trắng cạnh nhau, dưới các đế dép có hiệu LLL. Cách đôi dép 07 mét về phía Đông Nam phát hiện 02 chiếc tất vải màu đen. Cách 02 chiếc tất 30 cm về phía Nam phát hiện 01 đôi ủng, chiếc trái, phải màu xanh đen rằn ri, đế vàng cỡ 41. Mặt ngoài ủng rải rác bám dính chất màu nâu đỏ dạng nhỏ giọt. Mở rộng hiện trường: Cổng nhà ông An rộng 03 mét, sân KT (8,25 x 9,9) m. Trên sân có nhiều bàn ghế lộn xộn. Quá trình khám nghiệm đã ghi nhận lại toàn bộ các dấu vết để lại tại hiện trường và thu giữ một số mẫu vật để phục vụ yêu cầu điều tra, xử lý vụ án gồm: Chất màu nâu đỏ bám dính trên 02 trụ bê tông, chậu bê tông; Chất màu nâu đỏ trên nền đất vị trí cách góc tường phía Nam nhà ông An 1,9 mét về phía Đông Nam; Đôi dép tổ ong, 02 chiếc tất vải màu đen, đôi ủng màu xanh đen đỏ vàng trên nền bãi đất trống. (Bút lục 19, 20)

Kết quả khám nghiệm tử thi:

Khám ngoài: Vùng má trái có vết trợt da nông KT (2,5x0,1)cm; Niêm mạc môi trắng nhợt; Vùng cằm có vết trợt da nông KT (2x0,1)cm. Đầu trên xương đòn bên trái có vết trợt da KT (1x0,3)cm; Lồng ngực bên trái ngoài núm vú trái có vết trợt da tụ máu in ấn KT (11x1)cm; Lồng ngực trái dưới núm vú trái 5 cm có vết bầm tím tụ máu KT (2x1,5)cm; Lồng ngực trái dưới núm vú trái 8,5cm có vết rách thủng da cơ KT (1,8x0,8)cm, bờ mép sắc gọn; Ngoài lồng ngực trái tương ứng 1/3 ngoài giữa xương ức có vết trợt da nông KT (2,5x0,1)cm; Phía ngoài mũi ức trái có đám bầm tím tụ máu KT (3,5x2)cm; Dưới đám tụ máu 1cm có vết rách thủng da cơ KT (2x0,7)cm bờ mép sắc gọn; Lồng ngực phải dưới núm vú phải 8cm có 03 vết trợt da nông KT (0,5x0,2)cm; Mặt sau 1/3 trên cánh tay trái có vết in ấn tụ máu KT (2x0,5)cm; Phía trên hõm nách sau bên trái có đám trợt da nông tụ máu KT (4x1)cm; Mặt ngoài và sau 1/3 giữa cánh tay trái có vết rách toạc da cơ KT (2,5x1,3)cm, góc nhọn ở phía dưới; Mặt trước và trong 1/3 trên cẳng chân phải có vết trợt da in ấn tụ máu không liên tục KT (9x6)cm.

Mô tử thi: Tụ máu dưới da cơ khoang liên sườn 6 xuống tới phúc mạc lồng ngực trái KT (13x11)cm; Tương ứng vết thủng da cơ bên trái mũi ức có vết thương khoang liên sườn KT (3,4x0,5)cm; Bao tim tại mặt trước có vết thương KT (2,6x0,7)cm, bờ mép sắc gọn, góc nhọn ở phía dưới, chiều hướng chệch từ trong ra ngoài; Khoang lồng ngực bên trái chứa nhiều nước máu và máu đông; Trong bao tim chứa nhiều nước máu và máu đông; Mỏm thất phải có vết rách cơ tim tới buồng thất phải KT (2x0,1x1,7)cm; Cơ hoành có vết rách thủng KT (3,4x0,2)cm; Tương ứng vết thủng cơ hoành có vết rách gọn KT (1,6x0,2)cm; Dạ dày chứa nhiều thức ăn đang nhuyễn hóa; Hai phổi rải rác có nhiều chấm xuất huyết; Diện cắt phổi có nhiều tương phổi và nước máu; Bề mặt gan có nhiều chấm xuất huyết; Diện cắt gan mềm và đồng nhất. (Bút lục 10, 11)

Tại Bản kết luận pháp y về tử thi số 279/GĐKTHS ngày 11/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Tỉnh Nam Định kết luận: Nạn nhân Nguyễn Văn D chết do sốc mất máu cấp; Cơ chế hình thành dấu vết: Dấu vết vùng ngực do vật sắc nhọn tác động trực tiếp xuyên thủng tâm thất phải. (Bút lục17, 18)

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định đã trưng cầu Viện KHHS Bộ công an tiến hành giám định ADN từ mẫu máu thu của nạn nhân, con dao gấp có đặc điểm nêu trên, chất màu nâu nghi máu bám dính trên trụ bê tông, chậu bê tông, trên nền đất thu giữ tại hiện trường vụ án và bông, gạc băng bó vết rách thủng da cơ tại hạ sườn trái Phạm Văn T. Tại Bản kết luận giám định số 1760/C54(TT3) ngày 29/5/2017 của Viện KHHS Bộ công an kết luận: Các dấu vết màu nâu bám dính trên con dao gấp bằng kim loại màu đen, trên đôn chậu cây cảnh và trên bãi đất ghi thu tại hiện trường là máu người và là máu của Nguyễn Văn D. (Bút lục15, 16)

Căn cứ vào tài liệu điều tra thu thập được, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định đã ra Lệnh bắt khẩn cấp đối với Phạm Văn T để tiến hành điều tra. Quá trình bắt giữ, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định đã tạm giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Gold và thu giữ bông, gạc băng bó vết rách thủng da cơ kích thước (2,2 x 1)cm tại hạ sườn trái Phạm Văn T để tiến hành giám định. Quá trình điều tra, anh Hoàng Thanh T, SN 1984, trú tại 9/13 Ngõ Q, P. Q, TP. Nam Định đã giao nộp cho cơ quan điều tra 01 dao gấp nhãn hiệu Chuang Yi bằng kim loại sơn màu đen dài 20cm, bản rộng 2,5cm, chuôi dao dài 11,5cm, lưỡi dao dài 8,5 cm mũi nhọn có dính chất màu nâu nghi máu. Anh T khai báo đây chính là con dao thu được trên tay T sau khi T đâm anh D. Tại Cơ quan CSĐT Phạm Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. T khai: Do trước đó đã uống nhiều rượu không kiềm chế được bản thân nên đã đánh V và những người can ngăn mình. Khi đâm anh D nhất đầu tiên T thấy nhiều người xông vào phía mình nên đã cầm dao xoay một vòng để mọi người tránh ra nhằm chạy thoát. Lúc đó có người túm được tay cầm dao của T nên T đã giật tay lại làm con dao đâm vào sườn trái mình. Bực tức vì bị đâm nên T đã chồm lên phía trước vớ được ai là đâm người đó. Lúc này sau khi bị T đâm nhất đầu thì anh D đứng phía trước nên T đã dùng tay trái ghì cổ còn tay phải cầm dao đâm liên tiếp hai nhất vào vùng ngực trái anh D. Sau khi được cơ quan điều tra cho nhận dạng con dao do anh Hoàng Anh T dao nộp thì T thừa nhận đây chính là con dao mình đã dùng làm hung khí đâm anh D tử vong. (Bút lục từ 92 đến 126).

Trong vụ án này còn có một số người vào can ngăn đã bị thương tích nhẹ tuy nhiên xác định những thương tích này là do chen lấn xô đẩy chứ không phải do T gây ra nên không đề nghị xem xét xử lý.

Trong quá trình giải quyết vụ án gia đình anh Nguyễn Văn D đã có đơn đề nghị cơ quan Công an xem xét hành vi của H, Q và một số người khác là bạn của T

cản trở nhằm giúp cho T đâm anh D sau đó cản trở không cho mọi người vào cứu giúp đưa anh D đi viện. Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã xác định H, Q... chỉ có mục đích can ngăn không cho mọi người đánh T chứ không giúp đỡ T trong việc đâm anh D nên đã không xem xét xử lý đối với những đối tượng này.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, Phạm Văn T đã tác động đến gia đình để bồi thường cho gia đình anh Nguyễn Văn D. Hiện gia đình T đã bồi thường cho gia đình anh D số tiền 70 triệu đồng.

Đối với các vật chứng đã thu giữ, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định đã nhập kho vật chứng thuộc phòng cảnh sát THAHS và HTTP công an tỉnh Nam Định để bảo quản theo đúng quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 102/QĐ-KSĐT-P2 ngày 27/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 BLHS.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo Phạm Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trong cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng, quyết định đã truy tố đối với bị cáo. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 19 đến 20 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền chi phí cho việc cấp cứu và mai táng cho người bị hại là 60.770.000 đồng. Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị hại số tiền tương ứng từ 90 đến 100 tháng lương tối thiểu. Ngoài ra bị cáo còn phải thực hiện nghĩa cấp cho những người thân của người bị hại theo quy định của pháp luật.

Luật sư Ngô Văn Quỳnh đã phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T nhất trí về tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố, xong luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T được hưởng mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt do Viện kiểm sát đề nghị.

Ông Nguyễn Văn Ký là người đại diện hợp pháp cho người bị hại có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo, về trách nhiệm dân sự đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp cho người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 21h ngày 07/4/2017, tại trước cửa nhà của Nguyễn Thị N, sinh năm: 1994 ở xóm L, xã P, huyện G do bức tức vì bị anh Nguyễn Văn D (ở gần nhà N), sinh năm: 1982 can ngăn không cho đánh Đỗ Văn V, sinh năm: 1993, trú tại tổ dân phố L, thị trấn Q, huyện G nên Phạm Văn T đã dùng tay phải rút một con dao bấm mang theo trong túi quần phải từ trước đâm một nhát vào vai trái, hai nhát vào ngực trái của anh D làm anh D bị tử vong trên đường đi cấp cứu. Như vậy hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người”. Giữa bị cáo và người bị hại không có tư thù mâu thuẫn, mà bị cáo đã dùng dao bấm đâm nhiều nhát vào người anh D làm anh D bị tử vong do sốc mất máu cấp. Hành vi của bị cáo thể hiện tính côn đồ coi thường pháp luật, vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt “có tính chất côn đồ” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 BLHS. Quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền được sống, quyền được bảo hộ về sức khỏe của con người; bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự cũng như khả năng nhận thức về những điều cấm của pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo gây tổn thất về tinh thần và vật chất cho gia đình người bị hại, làm mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa, bị cáo T đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bản thân bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại, bản thân bị cáo đã có thời gian phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Trên cơ sở xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ áp dụng cho bị cáo, nhân thân bị cáo, hậu quả đã gây ra, đối chiếu với các quy định hướng dẫn thực thi Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hội đồng xét xử thấy, cần áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93

BLHS để xét xử đối với bị cáo và phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài, để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 592 Bộ luật dân sự 2015, buộc bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường cho người bị hại các khoản tiền sau đây:

Tiền chi phí cho việc cấp cứu và mai táng cho người bị hại là 60.770.000 đồng.

Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị hại số tiền tương ứng với 100 tháng lương tối thiểu là $100 \text{ tháng} \times 1.300.000\text{đ}/1 \text{ tháng} = 130.000.000 \text{ đồng}$.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi 03 con chung của người bị hại là 700.000đ/1tháng cho 01 cháu, kể từ tháng 4/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi bố, mẹ đẻ của người bị hại là 450.000 đồng/1 tháng cho 01 người, kể từ tháng 4/2017 cho đến khi bố, mẹ người bị hại chết đi.

Đối với số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) mà gia đình bị cáo T đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại, được đối trừ vào nghĩa vụ bồi thường của bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Cần tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao nhãn hiệu Chuang Yi bằng kim loại màu đen, loại dao bấm gấp dài 20cm là hung khí mà bị cáo dùng để gây án; các mẫu vật còn lại sau giám định; 01 (một) đôi dép tổ ong; 02 (hai) chiếc tất vải màu đen; 01 (một) đôi ủng màu xanh đen đế vàng.

Tuyên trả lại cho bị cáo 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 6 Gold có số sim 0943151209, vì không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công thi hành án.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 99 BLTTHS và Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án, buộc bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/4/2017, về tội “Giết người”.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 592 Bộ luật dân sự 2015: Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại những khoản tiền sau đây.

Tiền chi phí cho việc cấp cứu và mai táng cho người bị hại là 60.770.000đ (sáu mươi triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị hại số tiền tương ứng với 100 tháng lương tối thiểu là $100 \text{ tháng} \times 1.300.000\text{đ}/1 \text{ tháng} = 130.000.000\text{đ}$ (một trăm ba mươi triệu đồng).

Tổng số tiền bị cáo T phải bồi thường cho người bị hại là 190.770.000đ (một trăm chín mươi triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng). Đối trừ đi số tiền 70.000.000đ

(bảy mươi triệu đồng) mà gia đình bị cáo T đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại, bị cáo T còn phải bồi thường 120.770.000 đ (một trăm hai mươi triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng), giao cho ông Nguyễn Văn K là người đại diện hợp pháp cho người bị hại trực tiếp nhận số tiền này.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi 03 con chung của người bị hại là 700.000đ/1tháng cho 01 cháu, kể từ tháng 4/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi bố, mẹ đẻ của người bị hại là 450.000 đồng/1 tháng cho 01 người, kể từ tháng 4/2017 cho đến khi bố, mẹ người bị hại chết đi.

Giao cho ông Nguyễn Văn K là người đại diện hợp pháp cho người bị hại trực tiếp nhận các khoản tiền cấp dưỡng nói trên.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 BLHS; Điều 76 BLTTHS.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 con dao nhãn hiệu Chuang Yi bằng kim loại màu đen, loại dao bấm gấp, dài 20cm.

01 (một) túi giấy chứa mẫu vật còn lại sau giám định; 01 (một) đôi dép tổ ong; 02 (hai) chiếc tất vải màu đen; 01 (một) đôi ủng màu xanh đen đế vàng.

Tuyên trả lại cho bị cáo 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 6 Gold có số sim 0943151209, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

(Chi tiết vật chứng được nêu trong Biên bản giao nhận vật chứng số 20/18 ngày 07/12/2017, giữa phòng PC45 Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định).

4. Án phí: Căn cứ Điều 99 BLTTHS và Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án, buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 6.038.500đ (sáu triệu không trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao và VKSND Cấp Cao;
- VKSND và CA tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Nam Định;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Hà Nam

